

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
MIỀN TRUNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 22

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Mai Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Văn Chương	Giám đốc
Ông Tạ Quốc Phương	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

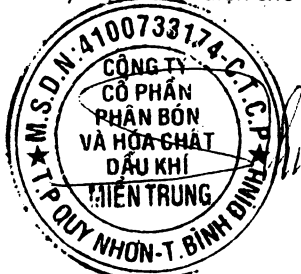
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trịnh Văn Chương  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2023, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

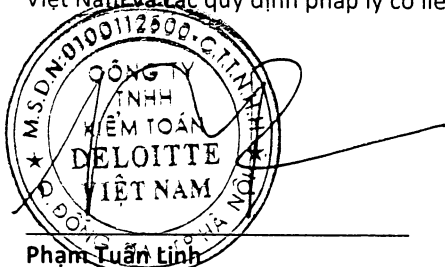
### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Tuấn Linh  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3001-2019-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,  
 Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,  
 Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 01a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>261.527.992.599</b>	<b>237.353.609.003</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>40.287.376.975</b>	<b>55.601.807.658</b>
1. Tiền	111		10.287.376.975	7.601.807.658
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	48.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>107.745.195.898</b>	<b>50.075.624.902</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	75.555.569.490	18.821.650.774
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	31.733.108.325	28.659.409.890
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	456.518.083	2.594.564.238
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>112.985.502.370</b>	<b>131.099.294.167</b>
1. Hàng tồn kho	141		117.527.061.494	146.464.281.588
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.541.559.124)	(15.364.987.421)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>509.917.356</b>	<b>576.882.276</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	509.917.356	576.882.276
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.602.863.057</b>	<b>32.125.589.198</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>41.000.000</b>	<b>41.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	41.000.000	41.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.659.824.721</b>	<b>27.048.110.007</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.833.709.842	6.165.572.416
- Nguyên giá	222		75.773.212.922	75.205.777.922
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.939.503.080)	(69.040.205.506)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	20.826.114.879	20.882.537.591
- Nguyên giá	228		22.256.641.250	22.256.641.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.430.526.371)	(1.374.103.659)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.902.038.336</b>	<b>5.036.479.191</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	4.789.997.202	4.924.438.057
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	112.041.134	112.041.134
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>293.130.855.656</b>	<b>269.479.198.201</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,  
 Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,  
 Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 01a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>82.640.031.041</b>	<b>69.063.427.202</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>82.640.031.041</b>	<b>69.063.427.202</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	28.602.662.069	35.197.319.173
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	3.723.054.145	16.161.334.395
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.109.960.321	891.873.539
4. Phải trả người lao động	314		5.456.297.748	6.268.935.205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	5.278.816.724	560.205.668
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.181.819	18.181.819
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	30.712.920.770	2.184.981.260
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.738.137.445	7.780.596.143
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>210.490.824.615</b>	<b>200.415.770.999</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>210.490.824.615</b>	<b>200.415.770.999</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.884.718.104	24.884.718.104
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.606.106.511	75.531.052.895
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		75.531.052.895	52.341.035.941
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.075.053.616	23.190.016.954
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>293.130.855.656</b>	<b>269.479.198.201</b>



Võ Thị Mỹ Lệ  
 Người lập biểu



Nguyễn Văn Lộc  
 Kế toán trưởng



Trịnh Văn Chương  
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,  
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 02a-DN**

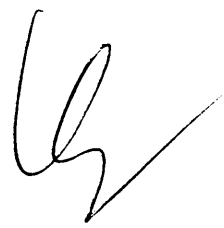
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.841.126.959.180	1.993.417.135.555
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	30.532.074.094	28.784.295.463
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	1.810.594.885.086	1.964.632.840.092
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.765.459.288.318	1.903.865.791.067
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		45.135.596.768	60.767.049.025
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.059.763.793	253.197.035
7. Chi phí tài chính	22		202.356.165	478.364.932
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		202.356.165	478.364.932
8. Chi phí bán hàng	25	24	19.717.760.907	16.117.720.379
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	10.532.972.213	9.650.387.130
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		15.742.271.276	34.773.773.619
11. Thu nhập khác	31		-	337
12. Lợi nhuận khác (40=31)	40		-	337
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.742.271.276	34.773.773.956
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	3.148.454.256	6.954.754.791
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.593.817.020	27.819.019.165
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.008	2.226

  
Võ Thị Mỹ Lệ  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Lộc  
Kế toán trưởng

  
Trịnh Văn Chương  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,  
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 03a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.742.271.276	34.773.773.956
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	955.720.286	1.968.733.331
Các khoản dự phòng	03	(10.823.428.297)	-
Chi phí lãi vay	06	202.356.165	478.364.932
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.076.919.430	37.220.872.219
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(57.669.570.996)	(70.945.525.029)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	28.937.220.094	(9.868.736.219)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.906.111.086	74.579.582.241
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	201.405.775	1.043.373.821
Tiền lãi vay đã trả	14	(202.356.165)	(478.364.932)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.435.502.805)	(12.571.580.550)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.825.716.175	8.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.386.938.277)	(2.758.287.306)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.746.995.683)	16.229.334.245
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(567.435.000)	(62.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(567.435.000)	(62.000.000)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	120.000.000.000	194.176.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(120.000.000.000)	(194.176.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(15.314.430.683)	16.167.334.245
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	55.601.807.658	15.565.920.491
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	40.287.376.975	31.733.254.736

Võ Thị Mỹ Lệ  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Lộc  
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Chương  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,  
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 15 tháng 8 năm 2008 (đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 9 năm 2022) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội vào ngày 23 tháng 7 năm 2015 với mã chứng khoán là PCE.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty"). Công ty mẹ tối cao của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 53 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 52 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty đã được soát xét.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) và có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và tuân thủ phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc và thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty được xem là thuê hoạt động.

#### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn; quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công ty thuê 20.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 42 năm từ năm 2010, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	67.614.362	2.308.790
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.219.762.613	7.599.498.868
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	48.000.000.000
	<b>40.287.376.975</b>	<b>55.601.807.658</b>

(\*) Phản ánh số dư các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP với kỳ hạn gốc là 01 tháng và lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5,5%/năm đến 6%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân	38.256.147.631	-
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Anh Thi	10.992.361.440	217.439.391
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Nhân	10.732.127.267	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	10.131.470.174	8.593.677.471
Các khách hàng khác	5.443.462.978	10.010.533.912
	<b>75.555.569.490</b>	<b>18.821.650.774</b>
<b>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 27)	48.387.617.805	8.593.677.471

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	29.167.003.325	28.303.358.154
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	356.051.736
Các khách hàng khác	2.566.105.000	-
	<b>31.733.108.325</b>	<b>28.659.409.890</b>
<b>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	29.167.003.325	28.659.409.890

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Phải thu khác ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	13.100.000	1.027.500.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - CTCP	439.800.000	1.480.500.000
Phải thu khác	3.618.083	86.564.238
	<b>456.518.083</b>	<b>2.594.564.238</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác ngắn hạn các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 27)	439.800.000	1.480.500.000
<b>b. Phải thu khác dài hạn</b>		
Ký quỹ	41.000.000	41.000.000
	<b>41.000.000</b>	<b>41.000.000</b>

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	116.398.387.242	(4.541.559.124)	146.435.249.410	(15.364.987.421)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.072.874.252	-	29.032.178	-
Công cụ, dụng cụ	55.800.000	-	-	-
	<b>117.527.061.494</b>	<b>(4.541.559.124)</b>	<b>146.464.281.588</b>	<b>(15.364.987.421)</b>

Trong kỳ, Công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích năm trước của các hàng tồn kho đã bán trong kỳ với số tiền là 10.823.428.297 VND (kỳ trước: 0 VND).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	31.128.736	47.525.982
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	478.788.620	529.356.294
	<b>509.917.356</b>	<b>576.882.276</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí trả trước về thuê đất KCN Nhơn Bình (*)	4.344.452.911	4.432.039.246
Chi phí trả trước dài hạn khác	445.544.291	492.398.811
	<b>4.789.997.202</b>	<b>4.924.438.057</b>

(\*) Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Công ty nhận được quyền thuê đất tại Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, tỉnh Bình Định với diện tích 20.000 m<sup>2</sup> từ Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí ("Tổng Công ty") theo Quyết định số 908D/QĐ-PBHC ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Tổng Giám đốc Công ty. Công ty phân bổ chi phí quyền thuê đất trong 42 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Chi phí này được Công ty trả tiền một lần trong suốt thời gian thuê.



10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	62.240.609.457	454.718.500	8.861.237.516	3.649.212.449	75.205.777.922
Tăng trong kỳ	-	-	-	567.435.000	567.435.000
Số dư cuối kỳ	62.240.609.457	454.718.500	8.861.237.516	4.216.647.449	75.773.212.922
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	59.713.191.496	454.718.500	6.593.484.376	2.278.811.134	69.040.205.506
Khấu hao trong kỳ	293.717.876	-	347.517.185	258.062.513	899.297.574
Số dư cuối kỳ	60.006.909.372	454.718.500	6.941.001.561	2.536.873.647	69.939.503.080
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	2.527.417.961	-	2.267.753.140	1.370.401.315	6.165.572.416
Tại ngày cuối kỳ	2.233.700.085	-	1.920.235.955	1.679.773.802	5.833.709.842

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 65.852.980.972 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 25.759.612.631 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	22.102.927.889	153.713.361	22.256.641.250
Số dư cuối kỳ	22.102.927.889	153.713.361	22.256.641.250
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	1.220.390.298	153.713.361	1.374.103.659
Khấu hao trong kỳ	56.422.712	-	56.422.712
Số dư cuối kỳ	1.276.813.010	153.713.361	1.430.526.371
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	20.882.537.591	-	20.882.537.591
Tại ngày cuối kỳ	20.826.114.879	-	20.826.114.879

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 153.713.361 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 153.713.361 VND).

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	112.041.134	112.041.134
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>112.041.134</b>	<b>112.041.134</b>

(\*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thể hiện chênh lệch chi phí được khấu trừ do loại trừ chi phí trích trước tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Công ty tin tưởng rằng các chi phí này có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong năm tiếp theo.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	21.600.000.000	21.600.000.000	29.488.475.000	29.488.475.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	4.008.271.870	4.008.271.870	1.043.266.955	1.043.266.955
Các nhà cung cấp khác	2.994.390.199	2.994.390.199	4.665.577.218	4.665.577.218
	<b>28.602.662.069</b>	<b>28.602.662.069</b>	<b>35.197.319.173</b>	<b>35.197.319.173</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	22.139.672.782	22.139.672.782	29.723.312.870	29.723.312.870

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Nhân	2.708.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Kim Vũ Bích	920.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Đức Trung	12.800.000	1.306.500.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân	300.000	1.411.728.450
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp II Đà Nẵng	-	4.485.860.125
Công ty TNHH Thương mại Thiên Long	-	3.802.734.185
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Sơn Nguyệt	-	1.510.340.000
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông Lâm Nghiệp Quảng Ngãi	-	1.138.024.690
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T & A	-	1.000.000.000
Các đối tượng khác	81.954.145	1.506.146.945
	<b>3.723.054.145</b>	<b>16.161.334.395</b>
<b>Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	300.000	1.411.728.450

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	339.159.794	385.032.609	510.617.058	213.575.345
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.505.973	3.148.454.256	1.435.502.805	1.814.457.424
Thuế thu nhập cá nhân	451.207.772	2.489.319.848	2.858.600.068	81.927.552
Tiền thuế đất	-	2.400.000	2.400.000	-
Các loại thuế khác	-	46.120.000	46.120.000	-
	<b>891.873.539</b>	<b>6.071.326.713</b>	<b>4.853.239.931</b>	<b>2.109.960.321</b>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí chương trình tri ân khách hàng	4.258.777.169	-
Chi phí vận chuyển	652.769.555	409.315.668
Các khoản trích trước khác	367.270.000	150.890.000
	<b>5.278.816.724</b>	<b>560.205.668</b>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	30.532.074.094	-
Chi phí thực hiện Chương trình Tết vì người nghèo	-	2.068.200.000
Phải trả, phải nộp khác	180.846.676	116.781.260
	<b>30.712.920.770</b>	<b>2.184.981.260</b>
<b>Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	-	2.068.200.000

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2022	100.000.000.000	24.884.718.104	78.501.371.541	203.386.089.645
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	27.819.019.165	27.819.019.165
Trích lập quỹ	-	-	(6.724.139.433)	(6.724.139.433)
Số dư tại 30/6/2022	100.000.000.000	24.884.718.104	99.596.251.273	224.480.969.377
Số dư tại 01/01/2023	100.000.000.000	24.884.718.104	75.531.052.895	200.415.770.999
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	12.593.817.020	12.593.817.020
Trích lập quỹ (*)	-	-	(2.518.763.404)	(2.518.763.404)
Số dư tại 30/6/2023	100.000.000.000	24.884.718.104	85.606.106.511	210.490.824.615

(\*) Theo Nghị quyết số 84/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty thực hiện trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng số tiền là 2.518.763.404 VND, tương ứng với 20% phần lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	75.000.000.000	75%	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	5.000.000.000	5%	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Luận	8.500.000.000	8,5%	8.500.000.000	8.500.000.000
Các cổ đông khác	11.500.000.000	11,5%	11.500.000.000	11.500.000.000
	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100.000.000.000

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22.

Trong kỳ, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Trung Tây Nguyên, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ:**

**Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>Tấn</b>	<b>Tấn</b>
Hàng tồn kho giữ hộ Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	33.275	60.850,5
	<b>33.275</b>	<b>60.850,5</b>

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu phân bón	1.822.729.682.000	1.976.061.935.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.397.277.180	17.355.200.055
	<b>1.841.126.959.180</b>	<b>1.993.417.135.555</b>
Chiết khấu thương mại	30.532.074.094	28.784.295.463
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>1.810.594.885.086</b>	<b>1.964.632.840.092</b>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	544.580.193.154	725.318.466.642

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn phân bón	1.748.682.930.220	1.887.481.159.670
Giá vốn cung cấp dịch vụ	16.776.358.098	16.384.631.397
	<b>1.765.459.288.318</b>	<b>1.903.865.791.067</b>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	14.496.596.560	14.502.219.261
Chi phí khấu hao tài sản cố định	955.720.286	1.968.733.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.442.462.261	24.796.557.267
Chi phí khác	9.012.550.216	3.594.850.751
	<b>48.907.329.323</b>	<b>44.862.360.610</b>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	7.765.886.437	7.804.860.027
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	332.606.700	529.258.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	767.464.344	500.936.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.915.391.608	4.655.565.592
Các khoản chi phí bán hàng khác	7.936.411.818	2.627.099.570
	<b>19.717.760.907</b>	<b>16.117.720.379</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	6.730.710.123	6.697.359.234
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.273.089	192.777.356
Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.074.123	144.811.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.450.776.480	1.647.687.755
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.076.138.398	967.751.181
	<b>10.532.972.213</b>	<b>9.650.387.130</b>

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.148.454.256	6.954.754.791
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.148.454.256</b>	<b>6.954.754.791</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	15.742.271.276	34.773.773.956
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	15.742.271.276	34.773.773.956
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>3.148.454.256</b>	<b>6.954.754.791</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	12.593.817.020	27.819.019.165
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.518.763.404)	(5.563.803.833)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.075.053.616	22.255.215.332
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>1.008</u>	<u>2.226</u>

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân	Ông Nguyễn Hữu Luận (Cổ đông lớn) và đại diện theo pháp luật Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>	<b>526.526.227.500</b>	<b>708.802.210.000</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân	526.526.227.500	705.382.210.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	-	3.420.000.000
<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>18.053.965.654</b>	<b>16.516.256.642</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	18.024.076.899	16.516.256.642
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân	29.888.755	-
<b>Mua hàng</b>	<b>1.730.131.934.036</b>	<b>1.762.161.348.423</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	1.700.619.522.500	1.718.338.307.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân	27.921.825.000	42.732.400.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	1.590.586.536	1.090.640.923
<b>Nhận chiết khấu</b>	<b>34.362.439.175</b>	<b>17.336.506.331</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	34.362.439.175	17.336.506.331

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ:*

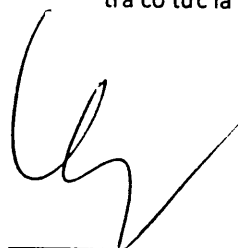
Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Mai Thanh Hải	1.006.477.758	917.237.680
Ông Cao Trung Kiên	-	27.000.000
Ông Nguyễn Quang Đoàn	24.000.000	24.000.000
Ông Trịnh Văn Chương	907.285.490	-
Ông Tạ Quốc Phương	774.542.327	705.224.671
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	21.000.000	21.000.000
Ông Phạm Thành Long	15.000.000	15.000.000
Bà Trần Thị Hải Yến	15.000.000	15.000.000
	<b>2.763.305.575</b>	<b>1.724.462.351</b>

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:*

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>48.387.617.805</b>	<b>8.593.677.471</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân	38.256.147.631	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	10.131.470.174	8.593.677.471
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>29.167.003.325</b>	<b>28.659.409.890</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	29.167.003.325	28.303.358.154
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	356.051.736
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>439.800.000</b>	<b>1.480.500.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	439.800.000	1.480.500.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>22.139.672.782</b>	<b>29.723.312.870</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	21.600.000.000	29.488.475.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	539.672.782	234.837.870
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>300.000</b>	<b>1.411.728.450</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân	300.000	1.411.728.450
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>2.068.200.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	-	2.068.200.000

## 28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

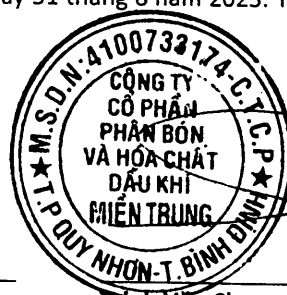
Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 84/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền ngày 31 tháng 7 năm 2023, Công ty thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 còn lại với tỷ lệ 30%/cổ phiếu, tương đương với giá trị 30.000.000.000 VND. Ngày chốt quyền nhận cổ tức là ngày 31 tháng 8 năm 2023. Thời gian thực hiện chi trả cổ tức là ngày 02 tháng 10 năm 2023.



Võ Thị Mỹ Lệ  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Lộc  
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Chương  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023